TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:169/2017/HS-ST
Ngày 05-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Trần Thị Thùy My.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Ngọc Hoàng An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2017/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trương Hoàng T (tên gọi khác: I), sinh năm 1996 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã C, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Nhà trọ B, đường ĐK 6, khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ, sinh năm 1971 và bà Trương Thị Thanh A, sinh năm 1968; có vợ là Phan Kim C, sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2017 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Lê Tấn N, sinh năm 1977 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng H.

Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn P, sinh năm 1938.

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 20/7/2017, T điều khiển xe mô tô biển số 54N4 -9745 đang đi trên đường DT 741 thì nhìn thấy tiệm vàng H thuộc khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương ít người qua lại, bản thân T không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định vào tiệm vàng H giả vờ mua vàng, đợi chủ tiệm sơ hở thì lấy vàng mang đi bán lấy tiền tiêu xài.

Sau khi nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, T điều khiển xe mô tô chạy vào phía trước bên phải cửa tiệm vàng H, đầu xe quay vào trong tiệm, còn đuôi xe quay ra đường DT 741 (cách tủ trưng bày vàng khoảng 3-4 mét). T xuống xe tắt máy nhưng vẫn để xe mở khóa (do khóa xe bị hỏng nên sau khi bật chìa khóa thì vẫn rút chìa khóa ra được). Sau đó, T vẫn đội nón bảo hiểm đi vào bên trong tiệm vàng thì gặp chủ tiệm là ông Lê Tấn N đang đứng trong quầy trưng bày vàng. T yêu cầu ông N lấy cho xem 01 sợi dây chuyền vàng 24k nhưng ông N không lấy ra mà chỉ cho T nhìn qua tủ kính trưng bày. T tiếp tục yêu cầu ông N lấy ra cho xem đôi bông tai vàng 24k, khi T cầm xem thì hỏi ông N có đôi bông tai lớn hơn không thì ông N nói không có nên T trả lại. Lúc này điện thoại của T đổ chuông thì T ra ngoài nghe điện thoại, nhưng sau khi nghe xong T giả vờ tiếp tục nói lớn tiếng là không mua dây chuyền mà mua vàng để ông N nghĩ là đang bàn bạc với người thân về việc mua vàng. Sau đó, T quay vào tiệm vàng tiếp tục yêu cầu ông N lấy ra cho T xem một bộ vòng đeo tay bằng vàng 18k, T cầm xem một lúc và hỏi giá nhưng vì giá quá cao nên T không dám lấy mà trả lại rồi yêu cầu xem nhẫn. Ông N lấy 01 nhẫn vàng 18k cho T đeo thử rồi trả lại vì giá quá thấp. Sau đó, T lại yêu cầu xem 01 bộ vòng đeo tay bằng vàng 18k nhỏ hơn bộ vòng vàng đầu tiên. Khi ông N lấy ra xem thì T thấy có một chiếc vòng bị nứt nên ông N kêu thợ làm lại và mang ra cho T, T hỏi giá thì ông N nói giá vẫn cao nên T trả lại. Lúc này, ông N nói với T có mua vàng thì mua chứ đứng xem như thế này thì ông N không bán được, lúc đó T trả lời muốn mua phải xem cho kỹ và yêu cầu ông N lấy cho T xem 01 bộ vòng đeo tay bằng vàng thứ ba, T cầm xem được một lúc đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì T giả vờ nghe điện thoại. Lúc này, ông N quay mặt sang bên phải nhìn xuống ngăn kéo quầy trưng bày vàng không chú ý thì T nhanh chóng cất điện thoại vào túi rồi liền lấy bộ vòng đưa vào 03 ngón tay là trỏ, giữa, áp út bàn tay trái đi nhanh ra xe nổ máy định bỏ chạy thì bị ông N đuổi kịp bắt giữ cùng tang vật.

Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của thị xã Bến Cát xác định: 14 chiếc vòng đeo tay màu vàng loại 610, vàng 18k có trọng lượng 6,95 chỉ, trị giá là 15.000.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng:

Ngày 28/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả 14 chiếc vòng đeo tay màu vàng loại 610, vàng 18k có trọng lượng 6,95 chỉ cho ông Lê Tấn N.

Xe mô tô biển số 54N4-9754 thu giữ của bị cáo T là xe của ông Trương Văn P. Ông P cho T mượn xe làm phương tiện đi lại, không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã giao trả xe cho ông Trương Văn P.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Tấn N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác và có đơn yêu cầu bãi nại cho bị cáo.

Tại cơ quan điều tra và cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 159/QĐ-KSĐT ngày 26/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Hoàng T về tội "công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 137 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "công nhiên chiếm đoạt tài sản"; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 137; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Hoàng T từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Hoàng T đã thành khẩn khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 50 phút ngày 20/7/2017, bị cáo đã vào tiệm vàng H thuộc khu

phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương giả vờ mua vàng, lựa chọn vàng nhiều lần, lợi dụng sơ hở lúc người bị hại quay mặt sang phải nhìn xuống ngăn kéo quầy trưng bày vàng không chú ý thì ngang nhiên lấy 14 chiếc vòng đeo tay, vàng 18k (có trọng lượng 6,95 chỉ, trị giá 15.000.000 đồng) trước mặt người bị hại đi ra xe để tẩu thoát thì bị người bị hại đuổi kịp bắt quả tang cùng tang vật. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội công nhiên chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 137 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội cũng như nhằm mục đích phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo theo quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 137 Bộ luật hình sự quy định "người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng". Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Ông Trương Văn P là chủ sở hữu của xe mô tô biển số 54N4-9754 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát trả xe cho ông P là đúng theo quy định khoản 2 Điều 41; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về phần luận tội của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật, xác định tội danh và mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Hoàng T phạm tội "công nhiên chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 137; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Trương Hoàng T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2017.

3. Các biện pháp tư pháp: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Hoàng T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Đội CSTHAHS – HTTP CA thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nga